SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI

Số: 151 /BVNHN-HCQT
V/v Báo giá mua sắm vật tư hành chính cho Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Các nhà thầu cung cấp vật tư hành chính.

Bệnh viện Nhi Hà Nội, có kế hoạch triển khai lựa chọn nhà thầu "Mua sắm vật tư hành chính cho Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2024".

Trân trọng mời các nhà thầu quan tâm, chào giá theo các nội dung yêu cầu như sau:

- Cung cấp hàng hóa theo gói thầu: "Mua sắm vật tư hành chính cho Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2024".

1. Mục đích: Làm căn cứ lập dự toán công tác "Mua sắm vật tư hành chính cho Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2024" làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo (kèm theo Bảng danh mục hàng hóa).

2. Nội dung yêu cầu:

2.1. Yêu cầu về năng lực *(nếu có, không bắt buộc gửi cùng)*:

- Có đăng ký kinh doanh phù hợp.

- Có giấy phép hoạt động ngành nghề theo quy định (nếu có).

- Giới thiệu về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu và các hồ sơ khác liên quan (nếu có).

2.2. Yêu cầu về giá:

- Giá nhà thầu chào giá bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí theo quy định và các chi phí khác liên quan khác không trái quy định pháp luật.

3. Thông tin liên hệ:

Bệnh viện Nhi Hà Nội mời các nhà thầu có khả năng, quan tâm và gửi chào giá gói thầu: "Mua sắm vật tư hành chính cho Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2024".

Nhà thầu tham gia chào giá, liên hệ với bộ phận Văn thư - phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Nhi Hà Nội (Tầng 5 tòa nhà CT1, tổ hợp The Pride khu đô thị mới An Hưng, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

Số điện thoại liên hệ: Ms Yến: 0988364648.

Thời gian nhận hồ sơ: 4 ngày. Từ ngày 19/7/2024 đến ngày 24/7/2024 (Trong giờ hành chính).

Thời gian thực hiện công việc cung cấp hàng hóa: 90 ngày.

Nhà thầu ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người liên hệ, Email để trao đổi.

Nhà thầu sẽ được Bệnh viện Nhi Hà Nội, liên hệ qua các hình thức như: điện thoại, Email, Fax hoặc bằng văn bản để thông báo và trao đổi các nội dung liên quan đến công việc (nếu cần).

Bệnh viện Nhi Hà Nội, kính mời các nhà thầu cung cấp dịch vụ, hàng hóa quan tâm nộp chào giá theo thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc; (để b/c)
- Lưu VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

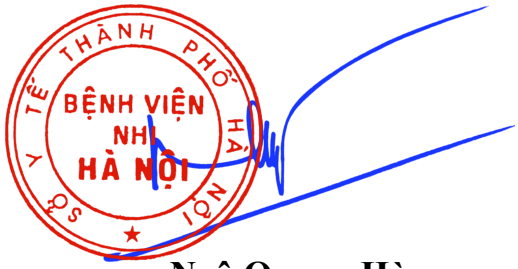

Ngô Quang Hùng

Bảng chi tiết danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật cho gói thầu:
"Mua sắm vật tư hành chính cho Bệnh viện Nhi Hà Nội năm 2024"

(Kèm theo thư mời chào giá ngày 19 /7/2024 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bảng ghi công việc	Bảng Từ Viết Bút Lông, nền bảng màu trắng - Kích thước: dài (d) x rộng (r). + 1.600mm ≤ d ≤ 1.700mm; + 1200mm ≤ r ≤ 1250mm; - Khung: 4 cạnh bọc khung nhôm	Cái	26
2	Bảng trực	Bảng Từ Viết Bút Lông, nền bảng màu trắng - Kích thước: dài (d) x rộng (r). + 800mm ≤ d ≤ 850mm; + 600mm ≤ r ≤ 650mm; - Khung: 4 cạnh bọc khung nhôm	Cái	19
3	Bảng mica lịch mổ	Bảng trắng mica viết bút lông viền nhôm - Kích thước: dài (d) x rộng (r). + 800mm ≤ d ≤ 850mm; + 600mm ≤ r ≤ 650mm; - Chân: Có chân di động	Cái	7
4	Bảng tin (có kẹp sắt treo giấy tờ)	Kích thước: - Kích thước: dài (d) x rộng (r). + 1.200mm ≤ d ≤ 1.300mm; + 800mm ≤ r ≤ 850mm; - Bề mặt: Bề mặt bảng trắng, trên mặt gắn 10 kẹp giữ tài liệu bằng inox (12x3cm) - Mặt sau: Tấm nhựa lót độ dày tối thiểu 15mm - Viền: Nẹp khung nhôm xung quanh mặt bảng, bản 25mm-30mm	Cái	37
5	Bảng kiểm soát vật liệu trong mổ	- Bảng Từ Viết Bút Lông, nền bảng màu trắng - Kích thước: dài (d) x rộng (r). + 800mm ≤ d ≤ 850mm; + 600mm ≤ r ≤ 650mm; - Khung: 4 cạnh bọc khung nhôm	Cái	3
6	Bình phong có bánh xe	- Bình phong 3 khúc khung inox, có bánh xe di chuyển, vải trắng - Kích thước: dài (d) x cao (c). + 1.500mm ≤ d ≤ 1.600mm; + 1800mm ≤ c ≤ 1850mm.	Cái	16
7	Đồng hồ treo tường	- Kích thước đồng hồ (mm): Ø350mm - 400mm - Máy: Máy trôi siêu tĩnh - Mặt số: Mặt số nhựa chuyên dụng PVC, 12 số học trò - Phụ Kiện: Vỏ hộp + 01 Pin + Tem BH	Cái	193
8	Thùng rác công cộng 12 lít	Thùng rác 12 lít, đạp chân có ruột tách rời	Chiếc	102
9	Thùng rác trắng 70 lít	- Thùng rác 70 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 450mm ≤ d ≤ 500mm; + 400mm ≤ r ≤ 450mm; + 650mm ≤ c ≤ 750mm.	Cái	23

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Màu sắc: Trắng - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa.		
10	Thùng rác vàng 120 lít	- Thùng rác 120 lit - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 550mm ≤ d ≤ 600mm; + 700mm ≤ r ≤ 800mm; + 950mm ≤ c ≤ 1000mm. - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa. - Màu sắc: Vàng - Đặc điểm: Có 2 bánh xe cao su, có tay cầm và nắp kín - Mở nắp: đạp chân, bằng tay	Cái	14
11	Thùng rác vàng 240 lít	- Thùng rác 240 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 700mm ≤ d ≤ 750mm; + 520mm ≤ r ≤ 600mm; + 900mm ≤ c ≤ 1050mm. - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa. Đặc điểm: Có 2 bánh xe cao su, có tay cầm và nắp kín - Màu sắc: Vàng	Cái	6
12	Thùng rác vàng 20 lít	- Thùng rác 20 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 350mm ≤ d ≤ 400mm; + 250mm ≤ r ≤ 400mm; + 440mm ≤ c ≤ 480mm. Màu sắc: Vàng Thiết kế: Có cơ chế đạp chân mở nắp, thùng đựng rác bên trong là thùng nhựa có quai xách	Cái	50
13	Thùng rác vàng 70 lít	- Thùng rác 70 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 450mm ≤ d ≤ 500mm; + 400mm ≤ r ≤ 450mm; + 600mm ≤ c ≤ 650mm. - Màu sắc: Vàng - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa	Cái	11
14	Thùng rác xanh 120 lít	- Thùng rác 120 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 550mm ≤ d ≤ 600mm; + 700mm ≤ r ≤ 800mm; + 950mm ≤ c ≤ 1000mm. - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa. - Màu sắc: Xanh - Đặc điểm: Có 2 bánh xe cao su, có tay cầm và nắp kín - Mở nắp: đạp chân, bằng tay	Chiếc	22

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15	Thùng rác xanh 240 lít	- Thùng rác 240 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 700mm ≤ d ≤ 750mm; + 520mm ≤ r ≤ 600mm; + 900mm ≤ c ≤ 1050mm. - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa. Đặc điểm: Có 2 bánh xe cao su, có tay cầm và nắp kín - Màu sắc: Xanh	Cái	7
16	Thùng rác xanh 30 lít	- Thùng rác 30 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 300mm ≤ d ≤ 350mm; + 300mm ≤ r ≤ 350mm; + 400mm ≤ c ≤ 450mm. Màu sắc: Xanh Thiết kế: Có cơ chế đạp chân mở nắp, thùng đựng rác bên trong là thùng nhựa có quai xách .	Cái	120
17	Thùng rác xanh 70 lít	- Thùng rác 70 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 450mm ≤ d ≤ 500mm; + 400mm ≤ r ≤ 450mm; + 600mm ≤ c ≤ 650mm. - Màu sắc: Xanh - Chất liệu: Thùng được làm bằng nhựa HDPE hoặc tương đương, được bao phủ chất chống tia UV để chống lão hóa	Cái	21
18	Sọt rác 10L	- Dung tích loại 10 lít - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 230mm ≤ d ≤ 250mm; + 220mm ≤ r ≤ 240mm; + 300mm ≤ c ≤ 320mm. - Chất liệu nhựa Nhựa PP (Polypropylen)	Cái	50
19	Tủ dụng cụ có kính	Tủ inox có kính - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 800mm ≤ d ≤ 900mm; + 400mm ≤ r ≤ 500mm; + 1.600mm ≤ c ≤ 1.700mm. - Vật liệu chính: Inox 201 - Kính trắng dày: ≥ 5mm - Độ dày inox: ≥ 0.5mm - Chân tủ có đệm cao su. - Khung inox chia làm 2 khoang. Khoang trên sử dụng cánh kính. Khoang dưới cánh kín inox chia làm 2 ngăn nhỏ. Khung tủ và khung cánh làm bằng inox hộp.	Cái	35
20	Xe chở hàng	- Chất liệu: Thép. - Trọng tải: ≥ 300kg - Sàn xe làm bằng thép nguyên tấm. - Khung xe được làm từ thép ống có kích thước vừa tay cầm người lớn, sơn tĩnh điện, Tay cầm có cơ chế gập xuống mặt sàn. - Bánh xe: Bánh xe cao su, càng bánh xe bằng sắt mạ niken,	Cái	8

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Thiết kế quay 360 độ		
21	Xe chở hàng (có khung phù hợp)	Xe đẩy hàng có lưới thép bao quanh. Kích thước tổng thể: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 1.200mm ≤ d ≤ 1.300mm; + 750mm ≤ r ≤ 800mm; + 950mm ≤ c ≤ 1000mm. Kích thước phần lưới thép: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 1160mm ≤ d ≤ 1200mm; + 500mm ≤ r ≤ 600mm; - Thiết kế 4 bánh xe quay 360 độ, Bánh xe cao xu. - Trọng lượng vận chuyển tối thiểu 500kg.	Cái	15
22	Kệ sắt đa năng 5 tầng	Kệ sắt trung tải - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 2000mm ≤ c ≤ 2100mm; + 1500mm ≤ d ≤ 1600mm; + 600mm ≤ r ≤ 650mm. - Số mâm: 05. - Chịu tải: ≥ 200kg/1 tầng - Sử dụng trụ V 4×6, dày 2.5mm-3mm; 08 ke dày 1.0mm-1.2mm, được mạ kẽm. - Sơn tĩnh điện - Kết cấu: lắp ghép. Gia cố thanh giằng dọc 2 bên sườn,	Cái	59
23	Tủ 4 cánh.	Tủ sắt 4 cánh - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 900mm ≤ d ≤ 1000mm; + 450mm ≤ r ≤ 480mm; + 1.800mm ≤ c ≤ 1.900mm. - Tủ sắt sơn tĩnh điện màu ghi, có 1 khối gồm 4 khoang đều nhau, - mỗi khoang chia thành 2 đợt, 1 cánh mở, 1 tay nắm nhựa liền khóa. - Khả năng chịu lực ≥ 50kg	Cái	60
24	Kệ inox 5 tầng	Kệ inox 5 tầng. - Chất liệu inox - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 1500mm ≤ d ≤ 1600mm; + 500mm ≤ r ≤ 600mm; + 2000mm ≤ c ≤ 2100mm. - Khung và chân hộp: 300×300 mm - Mặt kệ dạng tấm inox phẳng dày 0.8mm (+2mm). - Chân đế cao su chống trơn.	Cái	20
25	Tủ bảo quản các thuốc đặc biệt (gây nghiện, hướng thần)	Tủ sắt 4 cánh - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 900mm ≤ d ≤ 1000mm; + 450mm ≤ r ≤ 480mm; + 1.800mm ≤ c ≤ 1.900mm. - Tủ sắt sơn tĩnh điện màu ghi, có 1 khối gồm 4 khoang đều	Cái	3

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nhau, - mỗi khoang chia thành 2 đợt, 1 cánh mở, 1 tay nắm nhựa liền khóa. - Khả năng chịu lực ≥ 50kg		
26	Thang Rút Chữ A có bánh xe.	Thang Rút Chữ A có bánh xe. - Độ dày ống nhôm: ≥1.5mm - Khoảng cách bậc: 300mm - Tải trọng tối thiểu: 290kg - Chiều cao khi thang mở dạng chữ A: >3900mm - Chiều cao khi thang mở dạng chữ I : >7900mm - Có thanh giằng cố định góc thang khi mở thang dạng chữ A.	Cái	1
27	Thang nhôm rút chữ A	Thang nhôm rút chữ A. - Độ dày ống nhôm: ≥1.5mm - Khoảng cách bậc: 300mm - Tải trọng tối thiểu: 140kg - Chiều cao khi thang mở dạng chữ A: >2500mm - Chiều cao khi thang mở dạng chữ I : >4900mm - Có thanh giằng cố định góc thang khi mở thang dạng chữ A.	Cái	1
28	Thang thấp	Thang Thấp - Số bậc: ≥ 4 bậc. - Tải trọng: ≥ 150kg - Bề rộng bậc thang: ≥ 150mm. - Trọng lượng thang: ≥4kg. - Có thanh giằng cố định thang khi sử dụng. - Chân đế cao su. - Thang có thể gấp gọn.	Cái	3
29	Thảm chùi chân của khối nhà (1200mm x 1800mm)	Đế thảm bằng cao su chống trơn trượt, bám sàn tốt Mặt thảm chất liệu len, sợi, nỉ thấm hút nước và lưu giữ bụi bẩn. Kích thước:≥ 1200mm x 1800mm Màu sắc: Tùy chọn	Chiếc	58
30	Thảm chùi chân cửa wc 900mm x 600mm	Đế thảm bằng cao su chống trơn trượt, bám sàn tốt Mặt thảm chất liệu len, sợi, nỉ thấm hút nước và lưu giữ bụi bẩn. Kích thước:≥ 900mm x 600mm Màu sắc: Tùy chọn	Chiếc	198
31	Hộp chống sốc phản vệ	- Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 250mm ≤ d ≤ 270mm; + 190mm ≤ r ≤ 200mm; + 60mm ≤ c ≤ 70mm. - Hộp: Gồm thân và nắp liên kết với nhau. - Chất liệu: Nhựa PE cao cấp.	Hộp	50
32	Hộp nhựa để bơm kim tiêm đã qua sử dụng	- Dung tích ≥ 5L; - Chất liệu nhựa PE. - Màu sắc: Vàng, có in logo cảnh báo nguy hiểm.	Hộp	83
33	Mắc áo treo tường	- Số móc: 7 móc. - Chiều dài ≥ 34cm. - Chịu lực tối thiểu: 9kg. - Chất liệu: Inox 304. - Bề mặt: Sáng bóng. - Thiết kế móc tai thỏ.	Cái	100

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sản phẩm kèm vít lỗ khoan tường.		
34	Ổ cắm lioa	- Ổ cắm điện 6 lỗ cắm 3 chấu đa năng - Dây dài: 3m - Chất liệu: Nhựa chịu nhiệt cao cấp - Nhíp tiếp xúc: Bằng đồng, không lỏng lẻo. - Có chức năng bảo vệ quá tải cho ổ điện.	Cái	285
35	Pin 2A	- Loại pin kiềm - Kích thước: Pin AA - Điện thế: 1,5 V. - Đóng gói ≥ 2 viên/vỉ	Viên	365
36	Pin 3A	- Loại pin kiềm - Kích thước: Pin AAA - Điện thế: 1,5 V. - Đóng gói ≥ 2 viên/vỉ	Viên	297
37	Pin 9v	- Loại pin: 9V - Loại pin: Kiềm - Hình dáng: Pin vuông	Viên	60
38	Pin đại	- Pin Đại - Loại pin Carbon - Điện thế: 1,5v	Viên	80
39	Pin trung	- Pin Trung - Loại pin: Carbon hoặc Kiềm - Điện thế: 1,5 V	Viên	141
40	Rổ nhựa to	- Thiết kế mặt cắt dạng hình chữ nhật. - Kích thước: dài (d) x rộng (r) x cao (c). + 300mm ≤ d ≤ 320mm; + 210mm ≤ r ≤ 230mm; + 90mm ≤ c ≤ 100mm. - Màu sắc: hồng, xanh lá, xanh dương - Chất liệu: Nhựa PP	Cái	78
41	Túi kín khí (Túi zip) số 10	- Chất liệu: Làm từ hạt nhựa nguyên sinh - Kích thước túi: ≥24cm x 34cm - Độ dày: ≥0.045mm - Màu sắc: Trong suốt - Quy cách đóng gói: ≥100 chiếc/túi"	Túi	6
42	Túi kín khí (Túi zip) số 2	- Chất liệu: Làm từ hạt nhựa, nguyên sinh - Kích thước túi: ≥6cm x 8,5cm - Dày: ≥0,04 mm - Màu sắc: Trong suốt - Quy cách xác định: ≥100 chiếc/túi	Túi	7
43	Túi kín khí (Túi zip) số 3	- Chất liệu: Làm từ hạt nhựa, nguyên sinh - Kích thước túi: ≥7cm x 10cm - Dày: ≥0,04 mm - Màu sắc: Trong suốt - Quy cách xác định: ≥100 chiếc/túi	Túi	8
44	Túi kín khí (Túi zip) số 4	- Chất liệu: Làm từ hạt nhựa, nguyên sinh - Kích thước túi: ≥8,5cm x 12cm - Dày: ≥0,04 mm - Màu sắc: Trong suốt	Túi	5

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Quy cách xác định: ≥100 chiếc/túi		
45	Túi kín khí (Túi zip) số 7	- Chất liệu: Làm từ hạt nhựa, nguyên sinh - Kích thước túi: 14cm x 20cm - Dày: 0,045 mm - Màu sắc: Trong suốt - Quy cách xác định: 100 chiếc/túi	Túi	4
46	Túi nilon các loại 1kg	- Túi nilon loại 1kg - Chất liệu: Nhựa PE - PP. - Màu sắc: Trắng, trong suốt.	Kg	2
47	Túi nilon các loại 2kg	- Túi nilon loại 2kg - Chất liệu: Nhựa PE - PP. - Màu sắc: Trắng, tròn suốt.	Kg	3
48	Xà phòng bột	Xà phòng bột - Tính năng: Tẩy rửa, tạo bọt nhanh, mùi hương, an toàn cho da, thân thiện với người dùng. - Khả năng hòa tan: Hoàn toàn trong nước ở nhiệt độ phòng. - Khả năng tẩy rửa: Loại bỏ dầu mỡ, bụi bẩn, vết bẩn hữu cơ. - Quy cách đóng gói: Có nhãn mác đầy đủ thông tin sản phẩm, xuất sứ rõ ràng. - Hạn sử dụng: Ít nhất 24 tháng kể từ ngày sản xuất.	Kg	145
49	Xô nhựa	- Kích thước: 315 x 247 x 302 mm (± 5%) - Dung tích: 22 lít - Chất liệu: Nhựa PP (Polypropylene) - Đặc điểm: + Thiết kế xô nhựa tiện dụng, có quai xách. + Bề mặt trơn bóng.	Cái	52
50	Chậu nhựa nhỏ	- Loại sản phẩm: Thau hình tròn - Công dụng: Đựng rau củ, rửa thực phẩm, chứa nước... - Chất liệu: Nhựa PP bền màu, chắc chắn - Kích thước đường kính ≥ 40cm	Cái	57
51	Chậu ngâm dụng cụ chữ nhật, dung tích 30 lít	- Chất liệu: Nhựa PP - Chất nhựa dẻo, khả năng chịu va đập tốt - Bề mặt nhựa sáng, bóng - Kích thước: - Cao: 14cm - 16cm - Đường kính: 36cm - 40cm	Cái	10
52	Dép nhựa	- Chất liệu: Nhựa dẻo - Hình dáng: Loại dép tổ ong - Màu sắc: Trắng sữa - Gót: ≥2,7cm - Bàn: ≥1cm - Kích cỡ (size): XXL/XL/L	Đôi	100
53	Nước rửa tay	Nước rửa tay Khối lượng tịnh: ≥ 450g - Tẩy rửa các vết bẩn trên tay, đồng thời sát khuẩn trên tay. - Thành phần thân thiện môi trường.	Can	207

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
54	Găng tay cao su (găng tay vệ sinh)	- Chất liệu: Cao su, an toàn - Khả năng đàn hồi tốt - Kích cỡ (size): Đa dạng. - Găng được xử lý chống khuẩn, khử mùi, không nấm mốc. - Bên trong găng được xử lý chống dính tạo cảm giác thoải mái dễ mang. - Lòng bàn tay có hoa văn có độ bám dính cao, chống trơn.	Đôi	100
55	Búa	- Đầu búa được tôi luyện hình dáng tròn hoặc vuông. - Tay cầm bằng gỗ cứng.	Cái	13
56	Dây buộc chứng từ	- Chỉ buộc chứng từ đóng gói dạng cuộn. - Khối lượng ≥ 2kg. - Sợi chỉ có màu trắng, sợi dù dai, khó đứt.	Cuộn	2
57	Bình xịt nước	Chất liệu: Nhựa Dùng để phun nước, hoá chất và các chất lỏng khác Dung tích bình chứa: ≥500ml	Cái	65
58	Bô tròn, bô nhựa	- Chất liệu: Nhựa không mùi, bền, đẹp, chịu lực, chịu nhiệt tốt + 220mm ≤ Miệng ≤ 250mm; + 150mm ≤ Đáy ≤200mm; + 180mm ≤ Cao ≤ 220mm;	Cái	38
59	Ấm đun điện	Bình đun siêu tốc - Dung tích: ≥1.8l - Vỏ bình: Inox. - Các chế độ an toàn: + Tự ngắt khi quá nhiệt + Tự ngắt khi nước sôi + Chân đế chống trượt. - Đế nguồn và bình đun tách biệt thành 2 khối riêng biệt - Bật tắt bằng công tắc, có đèn báo khi bình đun đang hoạt động.	Cái	30
60	Đèn bàn cho cán bộ nhân viên	- Đèn bàn. - Bóng đèn và khung đèn tách biệt với nhau và kết nối bằng dạng đui xoắn. - Các khớp nối thân của đèn thiết kế dễ dàng nâng hạ lên xuống. Trọng lượng: (1 - 1.4) kg. - Chân đế có thiết kế đặt hoặc kẹp vào mặt bàn.	Cái	50
61	Khăn lau bề mặt	100% sợi Cotton chải kỹ, sợi 30/2 hoặc sợi 20/2, sợi tinh, tẩy cao cấp, sợi đơn, màu xanh. – Không pha tạp chất, mềm mại, thấm hút tốt – Kích thước: 25x25cm – Trọng lượng ≥ 30gr	Cái	1600
62	Khăn lau tay trong phòng mổ	100% sợi Cotton chải kỹ, sợi 30/2 hoặc sợi 20/2, sợi tinh, tẩy cao cấp, sợi đơn, màu trắng. – Không pha tạp chất, mềm mại, thấm hút tốt – Kích thước: 25x25cm – Trọng lượng ≥ 30gr	Cái	500
63	Túi đựng phim chụp X quang	- Thiết kế dạng phong bì, Phần nắp nằm ở cạnh ngắn của túi. Kích thước: 240mm x 290mm (chưa bao gồm phần nắp của túi đựng). - Vỏ có cán bóng	Túi	15000

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Nội dung in mặt ngoài túi theo biểu mẫu bệnh viện cung cấp.		
64	Túi phim CT128	- Thiết kế dạng phong bì, Phần nắp nằm ở cạnh ngắn của vỏ. Kích thước: 370mm x 490mm (chưa bao gồm phần nắp của túi đựng). - Vỏ có cán bóng - Nội dung in mặt ngoài túi theo biểu mẫu bệnh viện cung cấp.	Túi	800
65	Tủ lạnh 130 lít	- Tủ lạnh - Tủ lạnh ngăn đá trên - Dung tích: ≥ 120L - Dung tích ngăn đá"" >30 lít. - Kiểu làm lạnh: Trực tiếp. - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng	Cái	50
66	Máy hút ẩm	MÁY HÚT ẨM Công suất hút ẩm: ≥18 lít /24 giờ (ở điều kiện 30 độ C, 80%) Bồn chứa nước thải: ≥ 3.0 lít Nguồn điện: 220V / 50Hz Lưu lượng khí: ≥150 m3/h. Có tính năng hẹn giờ. Độ ồn: ≤ 50 dB. Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng	Cái	33
67	Két sắt	Két sắt sử dụng khóa cơ. - Trọng lượng sản phẩm ≥ 100kg . - Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện toàn bộ. - Thân két và canh két sắt được đúc đặc 2 lớp, đảm bảo chống trộm, chống cậy phá và chống cháy. - Két sắt gồm 1 núm xoay, 2 chìa khóa chính. - Kiểu dáng vuông, khóa cơ đổi mã đổi mã theo ý muốn bảo mật cao. - Dòng Két đứng có khóa chìa, khóa cơ đổi mã, tay nắm, mặt nạ hộp nhựa. - Két có 1 cánh mở với 2 bản lề chắc chắn. - Lòng két có 1 đợt di động và ngăn kéo rất thuận tiện để sử dụng. - Chân két được thiết kế có bánh xe sắt di chuyển để dễ vận chuyển. Tuy nhiên khi vận chuyển đến vị trí cố định có thể tháo bánh ra để cố định chắc chắn vị trí của két. - Bảo hành: Tối thiểu 1 năm.	Cái	3
68	Cây nước nóng - lạnh bệnh nhân	Cây lọc nước nóng - lạnh. - Thiết kế: Tủ đứng. - Công nghệ: Thẩm thấu ngược RO - Dung tích: + Tổng dung tích bình chứa: ≥ 11 lít; + Dung tích bình chứa nước nóng >1 lít, + Dung tích bình chứa nước lạnh ≥ 1,5 lít. - Nhiệt độ nước nóng: đến 98 độ C. - Nhiệt độ nước lạnh: 5 độ C đến 10 độ C. - Công suất lọc: ≥ 15 lít/giờ.	Cái	30